|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**\_\_\_\_\_\_\_\_Số: 377/BC-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2018* |

**BÁO CÁO**

**Việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2017**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi: Quốc hội.

­Năm 2017, công tác bình đẳng giới tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và sự vào cuộc của các ngành, các cấp, các tổ chức xã hội cùng sự quan tâm của đông đảo cử tri. Đặc biệt với việc Quốc hội thảo luận trực tiếp tại Hội trường về công tác bình đẳng giới và được phát thanh, truyền hình trực tiếp đến cử tri và nhân dân cả nước đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao. Thực hiện Điều 25 Luật bình đẳng giới và Điều 13 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2017 với những nội dung cụ thể như sau:

# I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

# 1. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới và thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới tiếp tục được các cơ quan chức năng ban hành góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Trong năm 2017, các nội dung về ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới đã được Chính phủ cơ bản hoàn thành[[1]](#footnote-1).

Công tác lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật tiếp tục được các cơ quan chức năng đẩy mạnh thực hiện. Ngay từ đầu năm 2017, các bộ, ngành đã nỗ lực phối hợp với Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo tham vấn, thực hiện đánh giá tác động của chính sách từ góc độ giới và lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình xây dựng, đề xuất và ban hành văn bản. Kết quả đã có những văn bản quy phạm pháp luật được ban hành và thực hiện tốt công tác lồng ghép vấn đề bình đẳng giới như: Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Luật trợ giúp pháp lý; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thi đua, khen thưởng trong đó quy định ưu tiên nữ trong quá trình thi đua, khen thưởng đã khích lệ lao động nữ; Ban Tổ chức Trung ương Đảng đã hướng dẫn công tác quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các chức danh lãnh đạo quản lý cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các nhiệm kỳ tiếp theo, trong đó có quy định cán bộ nữ được kéo dài tuổi công tác theo quy định thì thời điểm tính độ tuổi quy hoạch như nam giới[[2]](#footnote-2).

Một số bộ, ngành, địa phương đã chủ động thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong chính sách, chương trình của cơ quan, đơn vị như: một số đơn vị của Bộ Xây dựng đã ban hành chính sách hỗ trợ lao động nữ trong thời kỳ mang thai, nuôi con nhỏ[[3]](#footnote-3); Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành chính sách ưu tiên đối tượng công chức, viên chức là nữ trong quá trình xem xét đề bạt, bổ nhiệm[[4]](#footnote-4); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các hoạt động lồng ghép giới trong ứng phó với biến đổi khí hậu, trong thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020. Nhiều tỉnh, thành phố có chính sách hỗ trợ kinh phí cho cán bộ nữ tham gia các lớp học chính trị cao hơn so với nam giới…

Nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật cho đội ngũ cán bộ nòng cốt làm công tác xây dựng pháp luật tại các bộ, ngành và địa phương, Bộ Tư pháp đã tổ chức 02 lớp tập huấn nghiệp vụ về kỹ năng phân tích chính sách, soạn thảo, thẩm định văn bản, trong đó chú trọng hướng dẫn đánh giá tác động giới, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức một số hội thảo phát triển tài liệu và tập huấn giảng viên nguồn về lồng ghép giới trong các lĩnh vực: lao động - việc làm, giao thông, đô thị. Nhiều địa phương đã tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về bình đẳng giới cho cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện.

Để đánh giá toàn diện việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, Chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 24/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; triển khai tổng kết 10 năm thi hành Luật Bình đẳng giới trên phạm vi toàn quốc. Đến nay Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị 21-CT/TW ngày 20/01/2018 về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới và nhiều bộ, ngành, địa phương đã ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị này.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05/7/2017 về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, trong đó yêu cầu việc thực hiện hiệu quả các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Trên cơ sở đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Khung hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, trong đó nội dung bình đẳng giới đã được lồng ghép và hướng dẫn thực hiện.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế nhất định trong công tác lồng ghép vấn đề bình đẳng giới được chỉ ra khi tiến hành thẩm định đối với các dự án luật, pháp lệnh và nghị quyết[[5]](#footnote-5). Các đánh giá tác động về giới thường chỉ dừng ở việc xác định các đề xuất không phân biệt đối xử về giới, chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung hoặc xác định lĩnh vực chính sách điều chỉnh không có tác động giới[[6]](#footnote-6), một số luật không thể hiện rõ về nội dung đánh giá tác động giới mà chỉ đánh giá tác động của chính sách về mặt kinh tế, xã hội, pháp luật hoặc không đánh giá tác động trên 05 nội dung theo yêu cầu mà chỉ đánh giá mặt tích cực, tiêu cực của từng chính sách[[7]](#footnote-7).

# 2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới

Chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan chức năng tập trung triển khai công tác này với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với các nhóm đối tượng. Một số hoạt động chính như:

- Định hướng các cơ quan thông tấn báo chí và phóng viên đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới cho mọi tầng lớp nhân dân. Nhiều bộ, ngành, địa phương đã có những sáng kiến, cách làm hay trong triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, thu hút sự tham gia của đông đảo của quần chúng nhân dân[[8]](#footnote-8).

- Điểm nhấn của hoạt động truyền thông về bình đẳng giới năm 2017 là các hoạt động tuyên truyền cho Diễn đàn Phụ nữ và Kinh tế trong APEC do Việt Nam đăng cai. Các nội dung chia sẻ, tuyên truyền về chủ trương, đường lối và thành tựu thực hiện luật pháp, chính sách về bình đẳng giới của Việt Nam với các nền kinh tế trong APEC được thực hiện xuyên suốt trong quá trình chuẩn bị và thời điểm tổ chức Diễn đàn. Công tác tuyên truyền về các hoạt động, sự kiện cũng như kết quả của Diễn đàn đã được các cơ quan thông tấn, báo chí trong và ngoài nước liên tục truyền tải và thu hút được sự quan tâm của đông đảo người dân trong nước và bạn bè quốc tế.

- Năm 2017 là năm thứ 2 triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới với chủ đề “Chung tay chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái” từ ngày 15/11-15/12/2017 trên phạm vi toàn quốc. Sau 01 tháng triển khai, nhiều thông điệp, hình ảnh truyền thông kêu gọi mọi người dân cùng chung tay xóa bỏ bất bình đẳng giới và chấm dứt bạo lực trên cơ sở giới đã được lan tỏa rộng rãi: trên 14.000 hoạt động được triển khai ở Trung ương và địa phương (tăng gấp 17 lần so với năm 2016), với hơn 900.000 lượt người trực tiếp tham gia (tăng gấp 04 lần so với năm 2016); 350.000 ấn phẩm truyền thông đã được xuất bản và phát hành rộng rãi, gần 20.000 lượt tuyên truyền trên đài truyền thanh; gần 400 lượt phát sóng trên đài truyền hình và gần 3.000 bài viết trên các báo in và báo điện tử ở cả Trung ương và địa phương.

3. Công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới

a)Tổ chức, bộ máy làm công tác bình đẳng giới

Thực hiện Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 02/10/2015 của liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đến nay 63/63 tỉnh, thành phố đã thực hiện thành lập Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới hoặc Phòng Bình đẳng giới (Chi tiết xem tại phụ lục 2).

b) Nâng cao năng lực thực hiện công tác bình đẳng giới

Các bộ, ngành và địa phương tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác bình đẳng giới, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật, chương trình góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ. Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cho các cán bộ pháp chế ở các bộ, ngành, địa phương cũng được chú trọng hơn thông qua các lớp tập huấn chuyên sâu; hội thảo tập huấn cho các thành viên các Ban soạn thảo, tổ biên tập các văn bản quy phạm pháp luật và các hoạt động triển khai Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đặc biệt từ năm 2017, môn “Giới trong lãnh đạo, quản lý” được chính thức đưa vào các hệ đào tạo thuộc chương trình cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã góp phần nâng cao năng lực về bình đẳng giới cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quy hoạch lãnh đạo các cấp. Nội dung nhận thức giới, bình đẳng giới cũng được đưa vào chương trình đào tạo chính khóa Trường Sĩ quan Chính trị của Bộ Quốc phòng nhằm nâng cao năng lực bình đẳng giới cho đội ngũ sĩ quan quân đội.

Trong năm 2017, có gần 1.600 lượt cán bộ được tập huấn, trong đó có gần 1.000 lượt cán bộ nữ (chiếm khoảng 70%). Ngoài ra nhiều cơ quan, đơn vị đã lồng ghép tập huấn công tác bình đẳng giới trong các hoạt động đoàn thể của cơ quan, đơn vị cho hàng nghìn lượt cán bộ …

## c) Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Tiếp tục tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật bình đẳng giới tại các cơ quan, đơn vị và địa phương. Đã có 125 doanh nghiệp tại 08 địa phương được thanh tra về việc chấp hành pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội đối với lao động nữ. Qua thanh tra phát hiện các sai phạm đối với lao động nữ tại các doanh nghiệp như sử dụng lao động nữ mang thai từ tháng thứ 07 trở lên và lao động nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi làm thêm giờ, chưa bố trí lao động nữ nghỉ làm việc 30 phút/ngày trong thời gian kinh nguyệt, chưa bố trí phòng tắm cho lao động nữ.

Tại các địa phương, công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới cũng được quan tâm đẩy mạnh. Các vụ việc vi phạm đã được xử lý như tại Nghệ An đã tổ chức kiểm tra 20 cơ sở y tế về thực hiện quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi, quản lý và sử dụng các phương tiện tránh thai, đã phát hiện 02 cơ sở sai phạm và tiến hành xử phạt hành chính với số tiền là 6.500.000 đồng.

Chính phủ đã tổ chức kiểm tra liên ngành tại 15 địa phương và một số bộ, ngành. Kết quả kiểm tra cho thấy, công tác cán bộ nữ đã có tiến bộ trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, qua kiểm tra cũng cho thấy: chất lượng quy hoạch cán bộ nữ chưa cao, dẫn đến khoảng cách khá lớn giữa quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ; vấn đề bạo lực, xâm hại tình dục đối phụ nữ với trẻ em gái. Việc thực hiện chính sách còn nhiều vướng mắc như: chính sách bảo hiểm y tế, kế hoạch hóa gia đình (Bắc Kạn)[[9]](#footnote-9); bố trí nguồn lực để thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 về hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số (Cao Bằng, Bắc Kạn); điều chỉnh hình thức xử phạt đối với hành vi bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới (Bắc Kạn)[[10]](#footnote-10).

## d) Công tác nghiên cứu, thống kê, công bố thông tin, số liệu về bình đẳng giới

Năm 2017, Tổng cục Thống kê đã có nhiều đổi mới trong thực hiện rà soát, đánh giá thực trạng số liệu của các chỉ tiêu thuộc bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia và phối hợp với các bộ, ngành liên quan đánh giá việc triển khai chế độ báo cáo theo Quyết định số 15/2014/QĐ-TTg ngày 17/2/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả rà soát Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia cho thấy, hiện tại có 25/105 chỉ tiêu được thu thập đầy đủ, chiếm 23,8% (09 chỉ tiêu được thu thập từ chế độ báo cáo bộ, ngành; 16 chỉ tiêu từ điều tra); 40/105 chỉ tiêu được thu thập một phần, chiếm 38,1% (29 chỉ tiêu từ chế độ báo cáo của bộ, ngành, 11 chỉ tiêu từ điều tra); 40/105 chỉ tiêu không có số liệu hoặc chưa được báo cáo, chiếm 38,1% (36 chỉ tiêu từ chế độ báo cáo của bộ, ngành, 4 chỉ tiêu từ điều tra).

Trên cơ sở Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia, Bộ chỉ tiêu thống kê giới cơ bản của Liên hợp quốc và Bộ chỉ tiêu giới khu vực, Tổng cục Thống kê đã tổng hợp các số liệu từ chế độ báo cáo kết hợp tính toán các chỉ tiêu từ các cuộc điều tra để biên soạn cuốn “Thực tiễn và số liệu về phụ nữ và nam giới tại Việt Nam năm 2016”.

Hiện nay, các cơ quan chức năng đang tiến hành chuẩn bị cho 02 cuộc điều tra quốc gia là “Điều tra về bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái tại Việt Nam lần 02” và “Điều tra sử dụng quỹ thời gian” trong năm 2018 – 2019. Kết quả của những cuộc điều tra này sẽ cung cấp các chỉ tiêu thuộc Bộ chỉ tiêu giới cơ bản do cơ quan thống kê Liên hợp quốc khuyến nghị các nước thực hiện.

## đ) Xây dựng, duy trì các mô hình cung cấp dịch vụ, hỗ trợ bình đẳng giới

Thực hiện Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 – 2020 và Đề án Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, trong năm 2017 một số mô hình cung cấp dịch vụ bình đẳng giới đã được đẩy mạnh triển khai như mô hình Trung tâm công tác xã hội cung cấp dịch vụ về bình đẳng giới, Cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực trên cơ sở giới, Câu lạc bộ Nữ công nhân nhà trọ, Câu lạc bộ phụ nữ có nguy cơ bị ép kết hôn với người nước ngoài, Thành phố an toàn và thân thiện với phụ nữ và trẻ em gái, Mô hình Địa chỉ tin cậy – Nhà tạm lánh tại cộng đồng... Ngoài nguồn kinh phí thường xuyên được các bộ, ngành bố trí, các hoạt động này được hỗ trợ kinh phí có mục tiêu thông qua Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 – 2020 (Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017) và sự hỗ trợ tích cực về kỹ thuật, kinh phí từ các tổ chức quốc tế. Về cơ bản các mô hình, dịch vụ về bình đẳng giới đã được triển khai có tính hệ thống từ cấp cộng đồng đến cấp Trung ương theo hương đảm bảo tính sẵn có và dễ dàng tiếp cận đối với người dân.

## e) Kinh phí cho hoạt động bình đẳng giới

Các cơ quan chức năng đã chủ động điều hành, phân bổ ngân sách cho hoạt động bình đẳng giới tại các bộ, ngành và địa phương và việc triển khai, thực hiện Chiến lược, Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới, cụ thể như sau:

* Kinh phí triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các bộ, ngành, địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

 Kinh phí triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 – 2020 và Đề án Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030: ngân sách trung ương bố trí cho các bộ, ngành và bổ sung có mục tiêu cho các địa phương thông qua Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020 (Dự án Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới). Kinh phí Trung ương phân bổ năm 2017 để thực hiện Dự án là 19,825 tỷ đồng. Các địa phương đã chủ động bố trí 38,6 tỷ đồng kinh phí đối ứng để triển khai các hoạt động tại địa phương. Trong đó các địa phương thực hiện tốt như thành phố Hồ Chí Minh (11 tỷ), Long An (2,2 tỷ), Hà Nội (1,3 tỷ), Bình Định (770 triệu)... Tuy nhiên còn một số địa phương chưa quan tâm và bố trí kinh phí cho công tác này như Bến Tre, Điện Biên (Chi tiết xem tại phụ lục 2).

* Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC hỗ trợ cho các địa phương trong quá trình điều hành dự toán ngân sách nhà nước là 24,555 tỷ đồng.

Nhằm chủ động đảm bảo kinh phí cho hoạt động của Dự án “Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới” trong các năm tiếp theo, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính chủ động xây dựng nội dung hướng dẫn mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ vốn sự nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, với tổng mức kinh phí là 133,065 tỷ đồng.

g) Hoạt động hợp tác quốc tế về bình đẳng giới

Năm 2017 là năm có ý nghĩa quan trọng với dấu mốc lớn trong hoạt động hợp tác quốc tế về bình đẳng giới, đánh dấu vai trò và vị thế của Việt Nam trong thực hiện thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Hoạt động hợp tác quốc tế lớn nhất trong năm là sự kiện Việt Nam đăng cai tổ chức năm APEC: Chính phủ đã chỉ đạo tổ chức thành công Đối thoại chính sách cao cấp về Phụ nữ và Kinh tế trong APEC năm 2017 và các sự kiện liên quan (được gọi là Diễn đàn Phụ nữ và Kinh tế trong APEC) từ ngày 26-29/9/2017 tại thành phố Huế, Thừa Thiên Huế; hoàn thành trách nhiệm của Chủ tịch Diễn đàn năm 2017 đúng với ưu tiên của Việt Nam cũng như vì mục tiêu chung của các nền kinh tế thành viên. Diễn đàn có 3 sự kiện chính thức gồm Đối thoại chính sách cao cấp về Phụ nữ và Kinh tế (Hội nghị Bộ trưởng); Đối thoại công – tư về Phụ nữ và Kinh tế; Hội nghị Đối tác chính sách về Phụ nữ và Kinh tế; 08 hội nghị, hội thảo bên lề; 17 cuộc gặp song phương giữa Việt Nam với các nền kinh tế, giữa các nền kinh tế với nhau. Tham dự Diễn đàn có 753 đại biểu, gồm các Bộ trưởng/Trưởng đoàn, quan chức cao cấp, lãnh đạo các tổ chức quốc tế, tổng giám đốc điều hành các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong và ngoài khu vực, lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương của Việt Nam. Với sự nỗ lực điều hành, điều phối, vận động và uy tín của Việt Nam, nhiều kết quả quan trọng đã đạt được, nổi bật là: Tuyên bố của Diễn đàn Phụ nữ và Kinh tế APEC 2017 và Văn kiện “Hướng dẫn bao trùm giới trong APEC” (Gender Inclusion Guidelines) – sáng kiến của Việt Nam đề xuất.

- Tham gia tích cực các diễn đàn đa phương về bình đẳng giới, thông tin cho cộng đồng quốc tế về chính sách và thực tiễn bảo đảm quyền bình đẳng giới ở Việt Nam và đưa ra những sáng kiến về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ cụ thể đóng góp vào nỗ lực chung; tham gia vào các cơ chế của Liên hợp quốc về bình đẳng giới, đặc biệt là Ủy ban thứ 3 về xã hội, nhân quyền, văn hóa của Đại hội đồng, Hội đồng Kinh tế - Xã hội (ECOSOC), Hội đồng Nhân quyền, Ủy ban địa vị phụ nữ,... chủ động đóng góp ý kiến, quan điểm vào các dự thảo nghị quyết có nội dung liên quan tới bình đẳng giới, tham gia đồng bảo trợ, đồng thuận các nghị quyết về phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ, bảo vệ phụ nữ khỏi tình trạng mua bán người, xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ. Tại Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc, Việt Nam đã chủ động đề xuất nhiều sáng kiến được đông đảo các nước ủng hộ, tiêu biểu là sáng kiến về tổ chức Tọa đàm quốc tế về “Bảo đảm và thúc đẩy quyền của phụ nữ ven biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu” (bên lề khóa 35, tháng 6/2017).

- Lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta cùng các bộ, ngành đã tham gia chủ động và hiệu quả vào các quyết sách của Hội nghị Thượng đỉnh Phụ nữ toàn cầu tại Nhật Bản năm 2017 với chủ đề “Thúc đẩy hơn nữa học thuyết kinh tế phụ nữ: Tăng cường cơ hội cho phụ nữ”. Đoàn Việt Nam tham gia tích cực vào các phiên thảo luận, cung cấp, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trong việc phát huy vai trò của phụ nữ trong mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Những nỗ lực bảo đảm sự tiến bộ của phụ nữ của Việt Nam nhận được sự đánh giá cao của bạn bè quốc tế.

- Thúc đẩy thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia như Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW), Cương lĩnh hành động Bắc Kinh vì sự tiến bộ của phụ nữ và các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) liên quan đến bình đẳng giới.

- Tăng cường đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương về bình đẳng giới: Tiếp tục hợp tác hiệu quả với Đại sứ quán, Cơ quan hợp tác quốc tế các nước tại Việt Nam (Đại sứ quán Úc, KOICA); các cơ quan Liên hợp quốc tại Việt Nam như: Quỹ Dân số Liên hợp quốc, Cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, Tổ chức y tế thế giới, Văn phòng Liên hợp quốc về chống ma túy và tội phạm, các tổ chức phi chính phủ quốc tế để tăng cường hỗ trợ về kỹ thuật của các chuyên gia trong nước và quốc tế nhằm thúc đẩy việc thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2020, Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020, Đề án Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Tuy nhiên năm 2017 là năm đầu tiên của chu kỳ hợp tác giai đoạn 2017 – 2021 giữa Chính phủ Việt Nam và các cơ quan của Liên hợp quốc. Do đó, số lượng các dự án trong lĩnh vực bình đẳng giới được phê duyệt chủ trương đầu tư còn hạn chế. Hiện tại mới có 02 dự án đi vào hoạt động: Dự án “Thúc đẩy bình đẳng giới trong thực hiện chính sách và thực hành về dinh dưỡng và an ninh lương thực” do Cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women) tài trợ không hoàn lại với tổng số vốn ODA là 23.715 USD và Dự án “Hỗ trợ xây dựng và triển khai các chính sách, chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình và giải quyết vấn đề mại dâm dựa trên bằng chứng và cách tiếp cận quyền con người” do Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) tài trợ không hoàn lại với tổng số vốn ODA là 3.575.083 USD.

**II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI**

## 1. Mục tiêu “Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị”

Các chỉ tiêu của mục tiêu này về cơ bản đã được thực hiện và đánh giá từ đầu nhiệm kỳ, kết quả thực hiện đã được đề cập tại Báo cáo số 454/BC-CP ngày 17/10/2017 của Chính phủ gửi Quốc hội[[11]](#footnote-11).

Năm 2017, có thêm 02 đồng chí Lãnh đạo chủ chốt là nữ được bổ nhiệm tại Thông tấn xã Việt Nam và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đã nâng tỷ lệ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo nữ lên 40% (12/30).

Về tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt của Ủy ban nhân dân các cấp: cấp tỉnh là 17/289 (chiếm tỷ lệ 6%); cấp huyện là 230/2.377 (chiếm tỷ lệ 10%); cấp xã là 2.834/26.044 (chiếm tỷ lệ 11%).

Về tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt tại cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động: chỉ thực hiện thống kê được tại khối cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương. Tại cấp Trung ương trong số 1.200 cơ quan nhà nước tại bộ, ngành có từ 30% nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trở lên có 640 cơ quan có lãnh đạo chủ chốt là nữ (chiếm tỷ lệ 53%); tại cấp tỉnh là 375/989 cơ quan, đơn vị (tương đương 38%); cấp huyện là 1.571/2.606 cơ quan, đơn vị (tương đương 60%); cấp xã là 1.600/3.375 cơ quan, đơn vị (tương đương 48%).

Mặc dù các chỉ tiêu về tỷ lệ nữ tham gia các vị trí quản lý, lãnh đạo không đạt so với yêu cầu của Chiến lược, song tỷ lệ nữ tham gia Quốc hội của Việt Nam (26,8%) cao hơn mức 19% của Châu Á và 21% trung bình toàn cầu. Theo Diễn đàn Kinh tế thế giới, năm 2017 Việt Nam đứng thứ 97/144 quốc gia về tỷ lệ nữ tham gia chính trị.

## 2. Mục tiêu “Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động”

a) Chỉ tiêu 1: Hằng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới, bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới (nam và nữ)

Năm 2017, cả nước có trên 1,639 triệu lao động được tạo việc làm, trong đó lao động nữ chiếm khoảng 48% tổng số việc làm được tạo ra.

Tính đến quý IV/2017, tỷ số việc làm trên dân số của nam và nữ lần lượt là 80,2% và 70,7%. Trong số đó chỉ có 28,5% lao động nữ có việc làm phù hợp với ngành/nghề đào tạo, trong khi tỷ lệ này của nam giới là 49,9%. Bên cạnh đó, số lượng người thất nghiệp cả nước tính đến quý IV năm 2017 là hơn 1,11 triệu người, trong đó số lao động nữ thất nghiệp chiếm 43%[[12]](#footnote-12).

Mặc dù chỉ tiêu này được đánh giá đạt ngay từ năm đầu tiên thực hiện, song chất lượng việc làm của lao động nữ còn chưa ổn định và thiếu bền vững do lao động nữ thường tập trung trong các lĩnh vực đòi hỏi trình độ chuyên môn thấp hoặc những công việc có tính bền vững và ổn định không cao[[13]](#footnote-13). Lương bình quân hàng tháng của lao động nữ thấp hơn so với lao động nam (nữ khoảng là 5,07 triệu đồng so với nam là 5,66 triệu đồng)[[14]](#footnote-14).

Tính đến cuối năm 2017 của nước có khoảng 2,8 triệu lao động đang làm việc tại 325 khu công nghiệp, khu chế xuất, trong đó lao động nữ chiếm khoảng 63%, một số ngành như da giày, dệt may, chế biến thủy sản có doanh nghiệp tỷ lệ lao động nữ chiếm tới 80% đến 90%. Phần lớn công nhân lao động đang phải sinh hoạt trong những khu nhà trọ với chỗ ở chật hẹp, điều kiện sinh hoạt khó khăn. Các khu công nghiệp, khu chế xuất thường còn thiếu nhà trẻ, nhà mẫu giáo cho con công nhân, trạm y tế, nhà văn hóa, nơi vui chơi giải trí, sinh hoạt tinh thần cho công nhân. Điều kiện sinh hoạt hạn chế, không đủ không gian sinh hoạt, nghỉ ngơi cho công nhân sau giờ làm việc, ảnh hưởng đến sự hồi phục, tái tạo sức lao động. Mặt khác, một bộ phận các doanh nghiệp chưa quan tâm đến đời sống văn hóa tinh thần của công nhân tại nơi làm việc, nhiều nữ công nhân ít được tiếp cận thông tin, các hoạt động văn hóa, xã hội.

Sự khác biệt về giới trong độ tuổi nghỉ hưu cũng là rào cản đối với việc tham gia thị trường lao động của phụ nữ. Thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang nghiên cứu trình Chính phủ báo cáo Quốc hội sửa đổi quy định về tuổi nghỉ hưu trong dự án Bộ luật Lao động sửa đổi (dự kiến trình Quốc hội thông qua năm 2019) góp phần giảm khoảng cách giới trong quy định về tuổi nghỉ hưu.

Để xử lý sự giảm sút tiền lương hưu của lao động nữ nghỉ hưu từ ngày 01/01/2018 do quy định của Luật bảo hiểm xã hội về cách tính lương hưu mới theo nguyên tắc đóng hưởng, Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện khảo sát, đánh giá và nghiên cứu trình Quốc hội phương án xử lý. Ngày 21/11/2017, Chính phủ đã có Báo cáo số 548/BC-CP gửi Quốc hội về xử lý chênh lệch giữa mức lương hưu đối với người nghỉ hưu trước và sau thời điểm ngày 01/01/2018 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014. Trên cơ sở đó, tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV Quốc hội đã giao Chính phủ ban hành quy định thực hiện chính sách điều chỉnh lương hưu đối với lao động nữ bắt đầu hưởng lương hưu từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2021 bị tác động bất lợi hơn so với lao động nam do thay đổi cách tính lương hưu. Hiện nay Chính phủ đang xem xét, dự kiến ban hành Nghị định trong tháng 10/2018.

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt từ 35% vào năm 2020

Theo số liệu Điều tra Lao động việc làm năm Quý IV 2017, tỷ lệ nữ làm chủ cơ sở trên phạm vi toàn quốc là 27,8%, tuy nhiên có khoảng cách khá lớn về tỷ lệ này tại khu vực thành thị và nông thôn (33,2% tại thành thị và 20,1% tại nông thôn)[[15]](#footnote-15). Như vậy so với yêu cầu của Chiến lược, tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp tại thành thị tiệm cận đạt và tại khu vực nông thôn thì còn khoảng cách khá lớn.

Mặc dù vậy, Việt Nam có tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp cao nhất Đông Nam Á và xếp thứ 19/54 trong bảng chỉ số xếp hạng Chỉ số nữ doanh nhân và xếp thứ 7/54 trong số các nước có nhiều chủ doanh nghiệp là nữ. Việt Nam là quốc gia duy nhất của Châu Á có mặt trong 10 nước cao nhất toàn cầu về chỉ số này.

Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được Quốc hội thông qua vào tháng 6/2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 đã có quy định về hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ. Ngày 11/3/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, theo đó các doanh nghiệp do nữ làm chủ hoặc doanh nghiệp có sử dụng nhiều lao động nữ sẽ được ưu tiên hỗ trợ trước; được miễn học phí khi tham gia các khóa đào tạo. Những hỗ trợ này sẽ góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp do nữ làm chủ, đặc biệt là tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

c) Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 50% vào năm 2020

Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật là 15,1% (tăng 0,1% so với năm 2016). Đã tiến hành đào tạo nghề nông nghiệp cho 173.049 lao động nông thôn, trong đó nữ là 69.219 người, chiếm 39,1%. Khoảng 1,664 triệu người được đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng, trong đó khoảng 600.000 người (với 45,7% là lao động nữ) được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng theo chính sách của Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Bên cạnh đó, các địa phương đang rà soát, đánh giá hoạt động, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đảm bảo phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển nhân lực của cả nước, các ngành và các địa phương. Tính đến nay cả nước có 1.954 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, gồm 394 trường cao đẳng, 515 trường trung cấp và 1.035 trung tâm đã tạo điều kiện cho lao động nam, nữ được đào tạo nghề nhiều hơn.

d) Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 100% vào năm 2020

Việc thống kê kết quả thực hiện chỉ tiêu này đang gặp nhiều khó khăn như đã được đề cập tại Báo cáo số 454/BC-CP ngày 19/10/2017 của Chính phủ gửi Quốc hội. Chỉ tiêu này đang được xem xét, chỉnh sửa trong quá trình sửa đổi Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia.

## 3. Mục tiêu “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo”

a) Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 đến 40 ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn đạt 95% vào năm 2020

Theo số liệu tổng kết năm học 2016 - 2017:

+ Tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi (15-35) của toàn quốc là 97,92%; trong đó, tỷ lệ biết chữ của nữ giới là 97,77%, của người dân tộc thiểu số là 94,16%.

+ Tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi (15-60) của toàn quốc là 97,35%; trong đó, tỷ lệ biết chữ của nữ giới là 97,05%, của người dân tộc thiểu số là 92,56%.

Số liệu do các cơ quan thống kê hiện chưa khớp với phân tổ theo độ tuổi cũng như địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn của Chiến lược do vậy Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 02/7/2018 như sau: “Vào năm 2020, tỷ lệ biết chữ của nữ trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt ngang bằng với nam (98%), trong đó tỷ lệ ở 14 tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đạt 94%, tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết chữ đạt 90%”.

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ thạc sỹ đạt 40% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020, tỷ lệ tiến sỹ đạt 20% vào năm 2015 và 25% vào năm 2020

Năm 2017, tỷ lệ người có bằng thạc sỹ, tiến sỹ trên toàn quốc là 37% (tăng 2% so với năm 2016) trong đó tỷ lệ nữ là 31% (tăng 3% so với năm 2016) và nam là 43% (duy trì ổn định so với năm 2016).

Tuy nhiên, việc thống kê theo đúng phân tổ của chỉ tiêu này chỉ được thực hiện theo kết quả điều tra dân số (tổng điều tra dân số 10 năm/lần và điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 05 năm/lần). Theo kết quả Cuộc điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014 (với chu kỳ thu thập, tính toán 05 năm/lần) số lượng nữ thạc sỹ và tiến sỹ, tiến sỹ khoa học theo thống kê lần lượt là 98.700 nữ thạc sĩ (đạt tỷ lệ 43%) và 8.100 nữ tiến sỹ (đạt tỷ lệ 21%).

## 4. Mục tiêu “Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe”

a) Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 115 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái vào năm 2020

Với nỗ lực đẩy mạnh triển khai Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, tỷ số giới tính khi sinh trong những năm vừa qua đã được kiểm soát tốt, tốc độ gia tăng luôn nằm trong ngưỡng cho phép. Tỷ số này năm 2017 là 112,1%, đạt kế hoạch chung của Chiến lược.

Tuy vậy, với sự phát triển của khoa học công nghệ và tâm lý ưa thích con trai vẫn còn tồn tại nặng nề trong xã hội đã dẫn đến tình trạng chênh lệch giới tính khi sinh vẫn còn khá cao tại một số địa phương đặc biệt là tại khu vực đồng bằng sông Hồng, vùng sâu, vùng xa như: Thanh Hóa (117/100), Sơn La (117,1/100), Bắc Ninh (116,8/100), Hải Dương (116,33/100).

Mặc dù đã quy định các cơ sở y tế, phòng khám không được tiến hành siêu âm công bố giới tính thai nhi dưới mọi hình thức nhằm tránh hậu quả của việc lựa chọn giới tính, nhưng thực tế một bộ phận không nhỏ các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân vẫn cố tình lách luật bằng nhiều cách thức. Đây là thách thức không nhỏ trong phấn đấu thực hiện chỉ tiêu này.

b) Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống 52/100.000 trẻ đẻ sống vào năm 2020

Năm 2017, tỷ suất mắc tai biến sản khoa ước khoảng 57/100.000 trẻ đẻ sống, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2016 (55/100.000). Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tử vong mẹ chiếm 54,2%, trong đó băng huyết vẫn là nguyên nhân hàng đầu, tiếp đến là các nguyên nhân tắc mạch ối chiếm 21,9% và sản giật/tiền sản giật chiếm 12,5%. Phân tích theo địa điểm xảy ra tai biến cho thấy có tới 60,2% các ca tử vong mẹ xảy ra tại cơ sở y tế, trong đó riêng tại bệnh viện tuyến tỉnh và bệnh viện tuyến huyện đã chiếm tới 53,4%. So sánh số liệu báo cáo hằng năm so với số liệu các cuộc điều tra cho thấy tỷ số tử vong mẹ thực tế cao gấp 3-4 lần. Tỷ số tử vong mẹ ở miền núi cao khoảng gấp đôi so với con số chung toàn quốc và gấp khoảng 3 lần so với tử vong mẹ tại các vùng đồng bằng.

Trong năm 2017 có 02 hội thảo về giám sát và đáp ứng tử vong mẹ tại hai miền cho toàn bộ các tỉnh, thành phố, trong đó có phân tích lại các hồ sơ tử vong mẹ, qua đó rút kinh nghiệm về quy trình thẩm định và chuyên môn.

c) Chỉ tiêu 3: Tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con lên 50% vào năm 2020

 Thực hiện Quy chế về phối hợp giữa hệ thống phòng, chống HIV/AIDS và hệ thống chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKSS) trong triển khai dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con[[16]](#footnote-16) và Hướng dẫn sử dụng hệ thống thông tin lồng ghép CSSKSS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con[[17]](#footnote-17), hệ thống CSSKSS đã bước đầu chủ động trong việc làm đầu mối, phối hợp với hệ thống phòng, chống HIV/AIDS triển khai các can thiệp về dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con. Các cơ sở CSSKSS đã thực hiện tư vấn, xét nghiệm sàng lọc HIV cho phụ nữ mang thai và chuyển tiếp các trường hợp có kết quả xét nghiệm khẳng định dương tính đến các cơ sở chăm sóc, điều trị HIV/AIDS để được điều trị; điều trị ARV và tiếp tục theo dõi sản phụ nhiễm HIV trong giai đoạn chuyển dạ và con của họ sau sinh.

Theo thống kê, tỷ lệ phụ nữ mang thai được xét nghiệm sàng lọc HIV chung toàn quốc năm 2017 đạt 35,2% (tăng so với cùng kỳ năm 2016 là 30,2%) tuy nhiên việc sàng lọc vẫn tập trung nhiều vào giai đoạn chuyển dạ (59,8%) và tăng cao hơn so với cùng kỳ năm 2016 (56,3%) đặc biệt là tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh. Tỷ lệ trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được làm xét nghiệm PCR lần 01 trong vòng 18 tháng tuổi vẫn còn thấp, chỉ đạt 48%.

Có sự khác biệt về tỷ lệ phụ nữ được xét nghiệm sàng lọc HIV trước và trong khi mang thai. Tại khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung chỉ đạt 19,7%; Trung du và miền núi phía Bắc cũng có tỷ lệ rất thấp 21,3%, khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ cao hơn lần lượt là 61% và 44,1%. Nguyên nhân một phần của tình trạng này là do việc tư vấn của cán bộ y tế còn hạn chế, nguồn cung ứng xét nghiệm miễn phí không đáp ứng nhu cầu trong khi bảo hiểm y tế không chi trả xét nghiệm sàng lọc; việc triển khai xét nghiệm sàng lọc HIV cho phụ nữ mang thai chưa có sẵn ở tất cả các trạm y tế cấp xã – nơi chủ yếu thực hiện quản lý và khám thai ban đầu – cũng làm cản trở việc tiếp cận xét nghiệm sớm của các phụ nữ mang thai; nhận thức của người dân, đặc biệt là phụ nữ mang thai còn nhiều hạn chế trong việc đi khám thai sớm, khám thai 3 lần trong 3 thai kỳ, nhiều bà mẹ nhiễm HIV còn sợ bị kỳ thị nên không tuân thủ điều trị và hướng dẫn của cán bộ y tế.

d) Chỉ tiêu 4: Giảm tỷ lệ phá thai xuống 25/100 trẻ đẻ sống vào năm 2020

## Năm 2017, tỷ lệ phá thai được khoảng 16,3/100 ca đẻ sống, trong đó có số trường hợp tai biến do phá thai chiếm tỷ lệ 0,24% (tăng cao so với cùng kỳ năm 2015 là 0,14%, năm 2016 là 0,17%).

Tỷ lệ phá thai của người chưa thành niên trên tổng số phá thai toàn quốc là 1,45% (thấp hơn cùng kỳ 2016 là 2%). Các vùng có tỷ lệ cao nhất vẫn là Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long với tỷ lệ lần lượt là 2,2% và 1,6%).

Tuy chưa có số liệu thống kê chính thức nhưng tình trạng phá thai quá phạm vi cho phép vẫn diễn ra khá phổ biến ở các cơ sở y tế tư nhân. Đây là nội dung đã được các địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các sai phạm, kể cả cơ sở có yếu tố nước ngoài.

## 5. Mục tiêu “Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin”

a) Chỉ tiêu 1: Chiến lược quy định đến năm 2020 giảm 80% sản phẩm văn hóa, thông tin mang định kiến giới; tăng thời lượng phát sóng các chương trình, chuyên mục và số lượng các sản phẩm tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới

Số lượng các sản phẩm văn hóa, thông tin được xuất bản hàng năm rất lớn, do vậy việc tiến hành kiểm tra sản phẩm mang định kiến giới còn gặp nhiều khó khăn trong những năm qua. Tại Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 02/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ đã thay thế chỉ tiêu này như sau: “Phấn đấu hàng tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở tại các xã, phường, thị trấn vào năm 2020”.

b) Chỉ tiêu 2: Đến năm 2020 có 100% các đài phát thanh và đài truyền hình ở trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới

Qua báo cáo từ các địa phương và theo dõi thực tế, các đài phát thanh và truyền hình ở trung ương và địa phương đều có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới. Các nội dung về bình đẳng giới đã được lồng ghép sáng tạo, phù hợp với nhiều đối tượng khán, thính giả khác nhau[[18]](#footnote-18). Các chuyên mục về bình đẳng giới cũng đã được chú trọng biên dịch ra nhiều thứ tiếng dân tộc khác nhau như Thái, Mông, Dao, Ê đê, K’ho, Gia Rai, Bana, Xê đăng, Chăm, Kh’mer với các hình thức tuyên truyền dễ hiểu, dễ nhớ nhất nhằm nêu gương các điển hình người tốt, việc tốt, phê phán những biểu hiện không đúng, sai lệch về cách ứng xử trong gia đình và ngoài xã hội.

Mặc dù có tăng về số lượng tin bài về bình đẳng giới tại các đài phát thanh, truyền hình ở địa phương nhưng chủ yếu mới phản ánh các hoạt động, sự kiện, hội nghị, hội thảo về bình đẳng giới, còn việc truyền tải các kiến thức, kỹ năng kinh nghiệm hay trong công tác bình đẳng giới chưa nhiều; hoạt động phối hợp trong công tác tuyên truyền giữa báo chí với các cơ quan chức năng ở một số nơi đôi khi còn chưa chặt chẽ; công tác đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; vùng đồng bào dân tộc ít người còn gặp nhiều khó khăn; đội ngũ tuyên truyền viên phục vụ công tác còn thiếu và yếu.

## 6. Mục tiêu “Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới”

a) Chỉ tiêu 1: Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam xuống 1,5 lần vào năm 2020

Chỉ tiêu này đã được quy định tại Bộ chỉ tiêu phát triển giới của quốc gia, tuy nhiên Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chưa thể đo lường được chỉ tiêu này[[19]](#footnote-19), chưa có cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện thống kê số liệu. Chỉ tiêu này mang tính ước lượng, muốn thống kê được cần có điều tra, khảo sát cụ thể trên quy mô lớn.

Năm 2017, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tiếp tục phối hợp cùng Tổ chức ActionAid tiến hành thực hiện nghiên cứu và công bố Báo cáo lần 2 “Công việc chăm sóc không lương – San sẻ là yêu thương”. Kết quả nghiên cứu cho thấy phụ nữ đã giảm 40 phút thời gian làm công việc chăm sóc không lương so với nghiên cứu lần một sau khi cả nam giới, phụ nữ cùng tham gia các hoạt động nâng cao nhận thức và tập huấn về nội dung này. Mặc dù đã có cải thiện song phụ nữ vẫn dành trung bình 274 phút (4,5 giờ) mỗi ngày cho công việc chăm sóc không lương, tương đương 32 giờ trong một tuần, hay 207 ngày làm việc trong một năm. Phụ nữ vẫn dành thời gian làm công việc chăm sóc không lương nhiều hơn nam giới 105 phút mỗi ngày (nữ làm việc 274 phút và nam giới làm việc 169 phút mỗi ngày). Như vậy, thời gian làm việc nhà của nữ gấp 1,62 lần so với nam giới giảm được 0,16 lần so với năm 2016.

b) Chỉ tiêu 2: Đạt 50% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình; 85% số người gây bạo lực được phát hiện được tư vấn tại cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình vào năm 2020

Theo số liệu báo cáo từ các địa phương năm 2017, trên toàn quốc có 13.221 vụ bạo lực gia đình. Tổng số nạn nhân bạo lực gia đình đến cơ sở trợ giúp (cơ sở khám, chữa bệnh; cơ sở bảo trợ xã hội; cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; địa chỉ tin cậy ở cộng đồng) để được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc là 14.972 lượt người. Số người gây bạo lực gia đình được tư vấn là 5.906 người/12.746 người gây bạo lực gia đình (chiếm 46,33%).

Việc thống kê tỷ lệ nạn nhân được hỗ trợ tại các cơ sở trợ giúp còn bị trùng lặp do chưa có hệ thống quản lý thống nhất và đồng bộ giữa 04 loại hình cơ sở trợ giúp. Số liệu thống kê vẫn chủ yếu theo các báo cáo hành chính nên số lượng nạn nhân được hỗ trợ thường lớn hơn tổng số nạn nhân do kết quả của việc cộng dồn nạn nhân được hỗ trợ tại mỗi loại hình cơ sở. Do vậy, chưa đánh giá đầy đủ, thực chất về tỷ lệ nạn nhân được hỗ trợ/ tổng số nạn nhân theo yêu cầu. Về tỷ lệ người gây bạo lực được tư vấn mới đạt 46,33% còn khá thấp so với yêu cầu đặt ra. Tại Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 02/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ chỉ tiêu này đã được sửa đổi, bổ sung đảm bảo khả thi và phù hợp với thực tế[[20]](#footnote-20). Hiện nay, các cơ quan Chính phủ đang nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa” với các tiêu chí, trình tự xét, công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, trong đó đưa ra tiêu chí về bình đẳng, không có bạo lực gia đình, thực hiện bình đẳng giới trong mối quan hệ vợ chồng. Đối với tiêu chuẩn công nhận danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” đưa ra tiêu chí không có trường hợp bạo lực gia đình; thực hiện chính sách dân số, tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh giảm từng năm.

Thực trạng bạo lực đối với trẻ em, đặc biệt là bạo lực tình dục và xâm hại tình dục cũng đang là một vấn đề nhức nhối, nổi cộm lên trong thời gian gần đây gây bức xúc trong dư luận và xã hội. Theo báo cáo của Bộ Công an năm 2017 toàn quốc phát hiện 1.592 vụ xâm hại trẻ em, so với năm 2016 giảm 49 vụ (tương đương 3%); xâm hại 1.642 trẻ em, trong đó nạn nhân là trẻ em gái là 1.517 em (chiếm 92,3%). Các vụ việc xâm hại trẻ em trong thời gian qua cho thấy tính chất các vụ việc ngày càng nghiêm trọng, nhiều vụ việc xâm hại tình dục diễn ra trong thời gian dài mà thủ phạm là thành viên trong gia đình như bố, ông nội, chú, dượng hoặc thầy giáo. Một số địa phương xảy ra nhiều vụ án xâm hại trẻ em như: Hà Nội (86 vụ), Đắk Lắk (61 vụ), An Giang (58 vụ), Tây Ninh (54 vụ), Bà Rịa – Vũng Tàu (47 vụ), Kiên Giang (47 vụ), Thanh Hóa (34 vụ), Gia Lai (34 vụ), Cần Thơ (33 vụ), Trà Vinh (30 vụ)… Trước thực trạng này Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 về việc tăng cường giải pháp phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và xử lý kịp thời các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em, giảm tối đa các tổn hại và bảo đảm quyền, lợi ích của trẻ em. Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em 111 đi vào hoạt động từ cuối năm 2017, các kênh truyền thông đại chúng gia tăng thời lượng thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông cung cấp kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em; lên án hành vi xâm hại trẻ em. Các vụ việc xâm hại trẻ em được dư luận quan tâm, tồn đọng kéo dài thời gian qua đã được các cơ quan chức năng điều tra, khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

c) Chỉ tiêu 3: Có 100% số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu, số nạn nhân bị buôn bán tự trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng

Năm 2017 xác minh, giải cứu, tiếp nhận gần 2000 trường hợp nạn nhân, trong đó xác định 517 trường hợp là nạn nhân bị mua bán. 100% nạn nhân sau khi tiếp nhận được hỗ trợ ban đầu, tư vấn tâm lý, khám sức khỏe, trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật. Nhiều địa phương hỗ trợ các nạn nhân vay vốn để ổn định cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình.

Bên cạnh đó, để giảm thiểu rủi ro bị lừa mua bán người khi kết hôn với người nước ngoài và tăng cường công tác bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam, nhất là phụ nữ và trẻ em gái trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Ngoại giao cập nhật thông tin pháp luật liên quan đến đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài với nhiều cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam; một số trường hợp cần thiết đã tiến hành trực tiếp trao đổi với một số cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam (Đại sứ quán Hoa Kỳ, Đan Mạch, Văn phòng kinh tế - văn hóa Đài Bắc – Trung Hoa) để kịp thời có thông tin về quy định mới của pháp luật Việt Nam liên quan đến kết hôn có yếu tố nước ngoài, giải quyết một số vụ việc liên quan đến đăng ký hộ tịch của công dân Việt Nam với công dân nước ngoài, bảo đảm quyền lợi của công dân Việt Nam, đặc biệt là phụ nữ trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

Lĩnh vực nhận con nuôi luôn được quan tâm đảm bảo không có sự phân biệt đối xử về giới trong quá trình xin nhận con nuôi, hạn chế tối đa tình trạng xâm hại và bóc lột tình dục đối với trẻ em gái. Trừ những trường hợp xin đích danh, các cơ quan chức năng tại Việt Nam không đặt vấn đề ưu tiên những trường hợp lựa chọn giới tính khi nhận nuôi con tại Việt Nam. Trong năm 2017 đã giải quyết được 539 trường hợp trẻ em được giải quyết làm con nuôi người nước ngoài, trong đó 280 trẻ em gái chiếm 51,9%.

7. Mục tiêu “Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới”

- Chỉ tiêu 1 và 2: Phấn đấu đến năm 2020 có 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; có 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới.

Các văn bản quy phạm pháp luật ban hành được chú trọng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, đảm bảo không có quy định phân biệt đối xử về giới. Tuy nhiên, việc thu thập số liệu trên toàn quốc về lồng ghép vấn đề giới trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa thực hiện được, do số lượng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng hằng năm rất lớn, việc xác định dự thảo văn bản có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới đòi hỏi phải có kiến thức và kinh nghiệm nên chưa có đủ nguồn lực về kinh phí và nhân lực để thực hiện đánh giá chỉ tiêu này.

Qua theo dõi báo cáo hằng năm của các bộ, ngành và địa phương, về cơ bản đội ngũ cán bộ, công chức tại các bộ, ngành và địa phương đều được tham gia các khóa tập huấn về tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Do vậy, về cơ bản các đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng và hoạch định chính sách đều được tập kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới.

- Chỉ tiêu 3 và 4: Phấn đấu đến năm 2020 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một lần.

Công tác tập huấn chuyên sâu về kỹ năng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật cho đội ngũ cán bộ nòng cốt làm công tác xây dựng pháp luật tại các bộ, ngành và địa phương đã được chú trọng triển khai. Về cơ bản hầu hết cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức hằng năm.

# III. ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ

## 1. Kết quả

- Công tác bình đẳng giới tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, giám sát của Quốc hội. Việc Quốc hội thảo thuận tại Hội trường về bình đẳng giới và phát thanh, truyền hình trực tiếp đến cử tri và nhân dân cả nước đã tạo ra động lực không nhỏ, khuyến khích sự vào cuộc tích cực của các cấp, các ngành, bản thân người dân nói chung và phụ nữ nói riêng. Chính phủ đã chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương triển khai nhiều chương trình, chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy công tác bình đẳng giới; triển khai tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 24/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tổng kết 10 năm thi hành Luật bình đẳng giới; thẩm định lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật bình đẳng giới ở các bộ, ngành và địa phương.

- Hệ thống chính sách pháp luật về bình đẳng giới tiếp tục được quan tâm, hoàn thiện, trong đó có nhiều chính sách đặc thù nhằm tạo điều kiện và tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các lĩnh vực chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới đã được các bộ, ngành quan tâm thực hiện và từng bước có hiệu quả thiết thực. Chính phủ cũng đã tiến hành điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 để đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay.

- Hằng năm, thực hiện Điều 25 Luật bình đẳng giới và Điều 13 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Chính phủ đã báo cáo Quốc hội việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới, đồng thời chỉ đạo các bộ, ngành chức năng nghiêm túc triển khai thực hiện các kiến nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội tại Báo cáo thẩm tra Báo cáo của Chính phủ về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới[[21]](#footnote-21). Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới đã ban hành Kế hoạch triển khai kết luận của Quốc hội về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới[[22]](#footnote-22).

- Công tác bình đẳng giới đã đạt được nhiều tiến bộ. Theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế thế giới, năm 2017 Việt Nam đứng thứ 69/144 quốc gia về chỉ số khoảng cách giới, thuộc nhóm nước có chỉ số trung bình; thuộc nhóm 10 nước triển khai tốt nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương về Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và tốp 10 nước trên toàn cầu triển khai tốt nhất Mục tiêu 5 của SGDs về bình đẳng giới.

- Nhận thức của bản thân phụ nữ về vai trò, vị trí trong gia đình và xã hội đã có nhiều tiến bộ, nhất là nữ cán bộ, công chức, viên chức, nữ doanh nhân, nữ trí thức, cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ. Ngày càng có nhiều phụ nữ nỗ lực, tự tin vươn lên, khẳng định mình trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, đời sống vật chất, tinh thần được nâng lên.

- Lĩnh vực bình đẳng giới luôn nhận được sự quan tâm hợp tác và hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, tạo điều kiện để Việt Nam thực hiện tốt các cam kết quốc tế về thúc đẩy thực thi bình đẳng giới và tăng quyền năng cho phụ nữ.

2. Tồn tại, hạn chế

a) Việc triển khai công tác bình đẳng giới:

- Triển khai công tác bình đẳng giới tại một số đơn vị, địa phương còn mang tính hình thức, chưa được quan tâm lồng ghép vào trong các hoạt động để đạt được hiệu quả mong muốn.

- Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch và dự án phát triển kinh tế - xã hội tại các bộ, ngành, địa phương còn ở mức độ hạn chế, thực hiện còn mang tính thủ tục và chưa đi vào thực chất.

- Công tác phát triển, tạo nguồn cán bộ nữ chưa được quan tâm đúng mức. Các bộ, ngành và địa phương hầu như chưa có chính sách riêng đủ mạnh để hỗ trợ, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng. Việc phát hiện và giới thiệu nguồn cán bộ nữ chưa được triển khai hiệu quả và mang tính chiến lược.

- Một số vấn đề nảy sinh có tác động, ảnh hưởng tiêu cực đối với phụ nữ và trẻ em gái trong đời sống, việc làm, an sinh xã hội, nhất là tình trạng bạo lực, xâm hại tình dục, lao động nữ tại các khu công nghiệp, lao động nữ làm việc tại khu vực phí chính thức chưa được xử lý kịp thời gây bức xúc trong dư luận và xã hội.

b) Về nguồn lực thực hiện

- Về kinh phí:

+ Ngân sách Trung ương phân bổ chưa kịp thời nên việc triển khai công tác tại các bộ, ngành, địa phương còn khó khăn; ngân sách địa phương bố trí hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Tổng ngân sách trực tiếp cho công tác bình đẳng giới năm 2017 là 58,7 tỷ đồng trong đó ngân sách địa phương tự bố trí là 38,6 tỷ đồng. Bên cạnh một số địa phương bố trí tốt kinh phí như thành phồ Hồ Chí Minh (11 tỷ), Long An (2,2 tỷ), Hà Nội (1,3 tỷ), Bình Định (770 triệu)... thì còn một số địa phương chưa bố trí kinh phí cho công tác này như Bến Tre, Điện Biên.

+ Có đến 11 tỉnh[[23]](#footnote-23) chưa thực hiện hỗ trợ kinh phí theo quy định của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

- Về nhân lực: đội ngũ người làm công tác bình đẳng giới tại các bộ, ngành, địa phương còn mỏng, chủ yếu là kiêm nhiệm do vậy hạn chế về kiến thức, kinh nghiệm trong triển khai thực hiện và tham mưu công tác bình đẳng giới tại các địa phương.

Một số địa phương mặc dù trong chức danh vị trí việc làm có cán bộ làm công tác bình đẳng giới song còn cho rằng đây chỉ là công tác kiêm nhiệm như Hà Tĩnh, Hòa Bình, Cao Bằng, Vĩnh Phúc...

* Về công tác thống kê, báo cáo: còn đang gặp nhiều khó khăn, chưa được quan tâm đúng mức. Chưa có số liệu thống kê giới được định kỳ công bố. Một số bộ, ngành chưa ban hành chế độ báo cáo thống kê cấp cơ sở, hoặc đã ban hành song chưa cập nhật, điều chỉnh, bổ sung nên không đáp ứng được yêu cầu về phân tổ theo giới tính; chưa bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác thống kê.

c) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Nhận thức về vấn đề bình đẳng giới của một bộ phần tầng lớp nhân dân còn hạn chế. Tư tưởng trọng nam hơn nữ vẫn còn tồn tại trong một bộ phận cán bộ lãnh đạo đã tạo ra những rào cản hạn chế cho phụ nữ để khẳng định bản thân trong công việc và cuộc sống.

+ Sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền một số địa phương, bộ, ngành (nhất là người đứng đầu) còn chưa thật sự sát sao, chưa thực chất nên chưa dành nguồn lực thỏa đáng cho công tác bình đẳng giới tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Một số chỉ tiêu chưa sát thực tiễn, phân tổ một số chỉ tiêu chưa đồng bộ, thống nhất với hệ thống chỉ tiêu thống kê của các bộ, ngành, nên không đủ căn cứ đánh giá kết quả.

+ Chưa có chế tài xử lý đối với việc không hoàn thành các chỉ tiêu của Chiến lược đối với các địa phương; hoặc các bộ ngành phụ trách thực hiện các Mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới.

* Nguyên nhân khách quan:

+ Liên hợp quốc ban hành các Mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 đặt ra yêu cầu cao cho mỗi quốc gia trong việc hoàn thành các chỉ tiêu về bình đẳng giới; cuộc cách mạng công nghệ 4.0 dẫn đến những yêu cầu cấp bách cho việc hỗ trợ lao động nữ đang làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất và lao động nữ làm việc trong khu vực phi chính thức.

+ Chưa có đủ nguồn lực và kỹ thuật thực hiện điều tra quốc gia về bình đẳng giới để đánh giá, xác định những tồn tại và thách thức đối với công tác bình đẳng giới nói chung và đối với các nhóm phụ nữ yếu thế nói riêng như lao động nữ ở khu vực phi chính thức, nữ dân tộc thiểu số, bạo lực trên cơ sở giới.

## IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT ĐỐI VỚI QUỐC HỘI

- Chỉ đạo các cơ quan của Quốc hội, các Đoàn Đại biểu Quốc hội và các Đại biểu Quốc hội tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách về bình đẳng giới, trong đó chú trọng việc phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ và bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em.

- Đẩy mạnh các hoạt động thẩm tra, giám sát lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng các luật.

- Quan tâm và dành tỷ lệ kinh phí phù hợp cho công tác bình đẳng giới trong quá trình xem xét, thông qua ngân sách nhà nước.

# V. GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

# 1. Đẩy mạnh truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới

# - Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới tới mọi tầng lớp nhân dân và bản thân người phụ nữ. Xây dựng và triển khai các hoạt động truyền thông, các mô hình về bình đẳng giới phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

# - Triển khai thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2018 với chủ đề “Chủ động phòng, chống bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em” nhằm tạo nên đợt cao điểm về tuyên truyền và thu hút sự quan tâm của cá nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan, tổ chức trong việc phòng, chống bạo lực và xâm hại phụ nữ và trẻ em.

# - Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền nhất là phát huy vai trò của người đứng đầu cơ quan, địa phương trong thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; bố trí, phân công công tác đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng quy định về bình đẳng giới.

2. Hoàn thiện và thực thi chính sách pháp luật về bình đẳng giới

- Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản liên quan về công tác bình đẳng giới và phụ nữ như: Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

 - Ban hành hướng dẫn thực hiện quy định của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 đối với các trường hợp lao động nữ nghỉ hưu từ ngày 01/01/2018 phù hợp với tình hình thực tế.

- Sửa đổi, bổ sung Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia đảm bảo tính khả thi, hiệu quả.

- Đẩy mạnh việc triển khai các giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020 thông qua các chương trình, đề án.

- Nghiên cứu, ban hành các chính sách nhằm tạo điều kiện và khuyến khích phụ nữ tự trau dồi, nâng cao trình độ và tham gia tích cực vào các hoạt động đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

3. Phát triển nguồn nhân lực nữ đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển đất nước.

- Thu hẹp dần khoảng cách giới trong quy định về tuổi nghỉ hưu tại Bộ Luật Lao động hiện hành nhằm tạo điều kiện và cơ hội tham gia cho lao động nữ trên mọi lĩnh vực của đời sống, chính trị, văn hóa, xã hội.

- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, mô hình cho lãnh đạo nữ trẻ, phát triển kết nối mạng lưới cán bộ nữ, tổ chức các hoạt động kèm cặp giữa cán bộ nữ có kinh nghiệm và cán bộ nữ trẻ.

4. Bố trí nguồn lực, nâng cao năng lực cán bộ

- Cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của các Chương trình, Đề án, Dự án đã được phê duyệt trong ngân sách của các bộ, ngành, địa phương.

- Củng cố tổ chức, nhân lực và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ nữ cán bộ tiềm năng và cán bộ làm tham mưu công tác bình đẳng giới, đặc biệt đối với nữ lãnh đạo trẻ, nữ cán bộ dân tộc thiểu số.

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phối hợp liên ngành

- Tăng cường công tác phối hợp liên ngành và đẩy mạnh việc huy động nguồn lực trong nước và quốc tế dành cho công tác bình đẳng giới.

- Phối hợp với Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ trong việc bảo vệ quyền lợi của phụ nữ.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Ủy ban quốc gia VSTBPN Việt Nam;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam;- VPCP: BTCN, PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ: TKBT, TCCV, QHĐP, - Lưu: VT, KGVX (5b) | **TM. CHÍNH PHỦ****TUQ. THỦ TƯỚNG** **BỘ TRƯỞNG****BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH** **VÀ XÃ HỘI**(Đã ký) **Đào Ngọc Dung** |

1. Ban hành Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 25/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, trong đó quy định về hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức là nữ; Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025”. [↑](#footnote-ref-1)
2. Công văn số 3294-CV/BTCTW ngày 26/7/2017 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng hướng dẫn một số nội dung về công tác quy hoạch nhiệm kỳ 2020 - 2025, 2021 - 2026. [↑](#footnote-ref-2)
3. Tổng Công ty COMA: lao động nữ trong thời gian mang thai, ngoài chế độ được hưởng theo quy định của pháp luật, cơ quan cho nghỉ 01 ngày/tháng hưởng nguyên lương và được hỗ trợ tiền khám thai kỳ 100.000đ/lần khám; Trung tâm Xuất nhập khẩu COMA: lao động nữ trong thời gian nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 02h/ngày hưởng nguyên lương; Tổng công ty Viglacera ban hành văn bản triển khai công tác chống nắng, chống nóng nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động vào mùa hè, đặc biệt là lao động nữ. [↑](#footnote-ref-3)
4. Quyết định số 1808/QĐ-BHXH ngày 11/10/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam. [↑](#footnote-ref-4)
5. Cụ thể, Bộ Tư pháp đã thực hiện thẩm định đối với 31 dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết để đưa vào đề nghị của Chính phủ về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019; điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018. [↑](#footnote-ref-5)
6. Đề nghị xây dựng các dự án: Luật dân quân tự vệ, Luật phòng, chống thiên tai, Luật thủy lợi, Luật đê điều. [↑](#footnote-ref-6)
7. Đề nghị xây dựng: Luật đầu tư công, Luật công an nhân dân, Luật xây dựng, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật quy hoạch đô thị, Luật đất đai, Luật quản lý thuế. [↑](#footnote-ref-7)
8. Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên các phương tiện thông tin, truyền thông đại chúng trong Đề án “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức Phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã chiếu sáng tòa nhà trụ sở màu cam trong Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới. [↑](#footnote-ref-8)
9. Đề xuất nghiên cứu bổ sung đối với chính sách bảo hiểm y tế: bổ sung danh mục các dịch vụ được hỗ trợ kinh phí cho đồng bào dân tộc thiểu số; cho đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, trong đó có dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. [↑](#footnote-ref-9)
10. Hình thức xử phạt hành chính đối với hành vi bạo lực gia đình cần nghiên cứu, bổ sung, thay thế bằng hình thức xử phạt khác như: thay vì nộp tiền thành lao động công ích,... nâng cao hiệu quả xử phạt. [↑](#footnote-ref-10)
11. Kết quả bầu cử Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020:

+ Đảng bộ, chi bộ cơ sở: Tỷ lệ cấp ủy viên là nữ chiếm 19,69% (tăng 1,59% so với nhiệm kỳ trước); tỷ lệ nữ Bí thư là 8,0% (tăng 1,8% so với nhiệm kỳ trước);

+ Đảng bộ cấp huyện và tương đương: Tỷ lệ cấp ủy viên là nữ chiếm 14,3% (tăng 0,3% so với nhiệm kỳ trước); tỷ lệ nữ Bí thư là 7,4% (tăng 2,6% so với nhiệm kỳ trước);

+ Đảng bộ trực thuộc Trung ương: Tỷ lệ cấp ủy viên là nữ chiếm 13,3% (tăng 1,9% so với nhiệm kỳ trước); Tỷ lệ nữ Bí thư là 6,3% (tăng 3,1% so với nhiệm kỳ trước).

	* Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 đạt được như sau:+ Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội khóa XIV là 26,72%, tăng 2,62% so với nhiệm kỳ trước.

+ Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016 - 2021 cấp tỉnh đạt 26,54% (tăng 1,37%); cấp huyện đạt 27,85% (tăng 3,23%) và cấp xã đạt 26,59% (tăng 4,88%). [↑](#footnote-ref-11)
12. Báo cáo điều tra lao động việc làm Quý IV/ 2017 [↑](#footnote-ref-12)
13. 70% lao động nữ thường làm trong các ngành, lĩnh vực như dịch vụ, dệt may, da giày; 62,4% lao động nữ làm việc trong gia đình không hưởng lương và tự làm; 41,1% lao động nữ làm những công việc giản đơn; 43,6% lao động nữ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. [↑](#footnote-ref-13)
14. Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam, Quý IV/2017. [↑](#footnote-ref-14)
15. Tỷ lệ này thấp hơn so với so với năm 2016 đã được đề cập tại Báo cáo số 454/BC-CP ngày 17/10/2017 là 31,6% do chưa bao gồm số liệu về nữ giám đốc/nữ làm chủ trang trại. [↑](#footnote-ref-15)
16. Quyết định số 5650/QĐ-BYT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế. [↑](#footnote-ref-16)
17. Quyết định số 5315/QĐ-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế [↑](#footnote-ref-17)
18. Các chương trình: Nông nghiệp và nông thôn, Pháp luật và đời sống, Chuyên gia của bạn, Điểm hẹn 17h, Alo VOV1 trên Kênh VOV1; Diễn đàn các vấn đề xã hội, Gia đình Việt, Thế giới phụ nữ, Giữ lửa yêu thương, Eva làm mẹ, Mách nhỏ chị em... trên Kênh VOV2; Chương trình 360 ngày hạnh phúc, Phía sau tội ác, Giải đáp pháp luật trên Kênh VOV Giao thông; Chương trình Hãy nghe con nói, Lăng kinh nhỏ, Phim hoạt hình lồng ghép nội dung bình đẳng giới trên Kênh truyền hình Kỹ thuật số VTC; Diễn đàn các vấn đề xã hội, Sống để yêu thương [↑](#footnote-ref-18)
19. Công văn số 296/TCTK-PPCĐ ngày 09/5/2016 của Tổng cục Thống kê. [↑](#footnote-ref-19)
20. Đến năm 2020 ít nhất 50% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về tâm lý, pháp lý, được hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân của bạo lực gia đình và đạt 75% số người gây bạo lực gia đình được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình [↑](#footnote-ref-20)
21. Báo cáo số 860/BC-UBVĐXH14 ngày 20/10/2017 của Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội [↑](#footnote-ref-21)
22. Quyết định số 137/QĐ-LĐTBXH ngày 09/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội [↑](#footnote-ref-22)
23. Lai Châu, Cao Bằng, Bắc Kạn, Bắc Giang, Ninh Bình, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Khánh Hòa, Bình Thuận (theo Báo cáo Bộ y tế tại phiên họp Thường trực Ủy ban về các vấn đề xã hội ngày 03/8/2018) [↑](#footnote-ref-23)